

Việt Nam Văn Hiến

Năm Thứ 4888

www.vietnamvanhien.net



TẾT, BÁNH DÀY BÁNH CHƯNG và ÂM DƯƠNG NGŨ HÀNH

ĐÔNG BIÊN



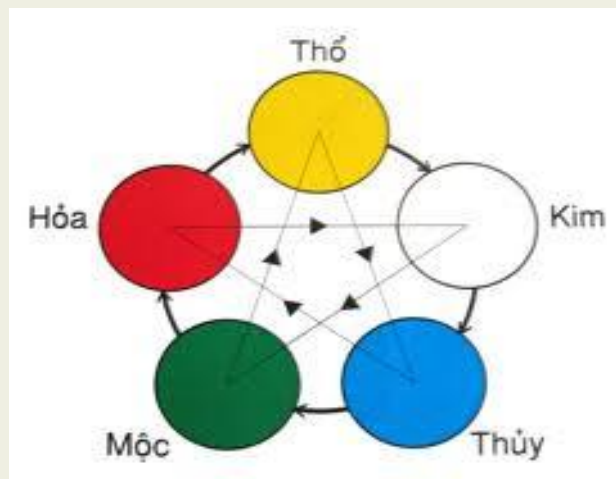
Bánh Dầy



Bánh Chưng



Âm Dương



Ngũ Hành

Đến ngày Tết, dân Việt lại giã bánh dày, gói bánh chưng để dâng lên bàn thờ gia tiên. Tập tục đó có từ thời Hùng Vương. Chuyện tích kể :

“ Sau khi Hùng Vương đã phá giặc Ân rồi, trong nước thái bình mới lo truyền ngôi cho con, hội hai mươi hai vị công tử lại mà bảo rằng :

- Ta muốn truyền ngôi cho đứa nào làm vừa lòng ta là đến kỳ cuối năm biết đem trên cam mỹ vị đến dâng cúng tiên vương để tròn đạo hiếu thì ta sẽ truyền ngôi cho.

Các vị công tử lo đi tìm các vị trân kỳ, hoặc săn bắn, chài lưới, hoặc mua ở chợ, vụ được nhiều của ngon vật lạ, không biết bao nhiêu mà kể. Duy có công tử thứ chín tên là Lang Liêu, bà mẹ hàn vi đã lâm bệnh mà quá cố rồi, tả hữu lại ít người nên khó bề toan tính, ngày đêm thao thức không ngủ yên. Hốt nhiên mộng thấy thần nhân bảo rằng :

- Trong trời đất không có vật gì quý bằng gạo, vì gạo là của để nuôi dân, người ta ăn mãi không chán, không vật gì đứng trước được; nếu lấy gạo nếp hoặc gói làm **hình tròn để tượng trời**, hoặc gói làm **hình vuông để tượng đất**, ở trong làm nhân cho thật ngon, bắt chước trời đất bao hàm vạn vật, ngụ ý cái ơn trời đất phát dục vạn vật, như thế thì lòng cha sẽ vui, tôn vị chắc được.

Lang Liêu kinh sợ tỉnh dậy, mừng rằng : “Thần minh giúp ta, ta nên bắt chước theo mà làm”.

Lang Liêu mới lựa **hột nếp** nào trắng tinh, hoàn toàn không sứt mẻ thì đem vo nước, để cho ráo rồi lấy lá chuối gói thành hình vuông, bỏ nhân ngon vào giữa, đem nấu đi cho chín, gọi là **Bánh Chưng**. Lại lấy nếp nấu xôi đem quét cho thật nhuyễn, nắn hình tròn để tượng hình trời gọi là **Bánh Dầy**.

Đúng kỳ, Vương hội các con lại trưng bày phẩm vật, các con đem dâng không thiếu thứ gì, duy chỉ có Lang Liêu đem bánh tròn, bánh vuông đến dâng. Hùng Vương lấy làm lạ hỏi Lang Liêu. Lang Liêu trình bày như lời thần nhân đã bảo. Vương thân hành nếm thử thì thấy vị ngon vừa miệng ăn không chán, phẩm vật của các công tử khác không sao hơn được. Vương khen ngợi giây lát, rồi cho Lang Liêu được giải nhất.

Năm hết, Vương dùng bánh ấy dâng lên Tiên Miếu và cung phụng cha mẹ, thiên hạ bắt chước truyền cho đến bây giờ, lấy tên của Lang Liêu đó để gọi là Tiết Liêu.

Hùng Vương truyền ngôi cho Lang Liêu. Hai mươi mốt anh em đều giữ các phiên trấn, lập làm bộ đảng, cứ thủ núi sông để làm hiểm cố.

Về sau, họ hàng tranh nhau làm trưởng, mỗi người dựng một sách để che kín bởi vậy gọi là sách, là trại, là trang, là phường khởi thủy từ đây vậy.
(Lĩnh Nam Chích Quái, bản dịch của Lê Hữu Mục)

BÁNH DÀY BÁNH CHƯNG và ÂM DƯƠNG.



Truyền thuyết Bánh Dầy Bánh Chung đã mượn lời thần nhân để nói lên ý nghĩa cặp bánh dầy bánh chung như sau : “*Hoặc gói làm hình tròn để tượng Trời, hoặc gói làm hình vuông để tượng đất*”.

Ta cũng có câu tục ngữ : “*Trời tròn Đất vuông*”. Câu thành ngữ : “*Mẹ tròn con vuông*”.

Từ bánh dầy bánh chung đến các câu tục ngữ thành ngữ đều mang đặc tính tượng trưng cho vũ trụ quan **Âm Dương**.

Dương chỉ trời. Người xưa nhìn trời thấy tròn như cái vung úp chụp lấy trái đất, nên làm **bánh dầy** tượng cho Trời, cho Dương.

Âm chỉ đất. Người xưa nhìn trái đất thấy như là vuông vắn, có đất, có núi, có sông có biển. Hơn nữa dân Việt (Lạc dân) đã biết làm ruộng lúa nước, ruộng đắp ngay ngắn có hình vuông nên làm **bánh chung** hình vuông chỉ Đất, chỉ Âm.

Âm Dương đã được tổ tiên ta từ thời thái cổ nhìn trời nhìn đất xem sự tuần hoàn của vạn vật mà biết lẽ biến hóa của Âm Dương, của ngày đêm, của sáng tối, của lẽ thịnh suy... dùng giây thừng thắt nút chỉ Âm, giây thừng để thẳng chỉ Dương. Sau này dùng ký hiệu một vạch đứt (_ _) để chỉ Âm, dùng ký hiệu một vạch dài (__) để chỉ Dương.

Đến đời Hùng Vương thứ sáu thì các nhà thức giả Lạc Việt mà đại diện là Lang Liêu đã cụ thể hóa Âm Dương trong việc làm bánh dầy bánh chung.

Bánh Dầy dùng gạo nếp trắng nấu thành xôi, giã nhuyễn, thể hiện sự trong trắng của trời, tính dẻo dai của nếp thể hiện sự bền vững, hình tròn của bánh dầy thể hiện sự viên mãn của Dương.

Bánh Chung hình vuông tượng cho Âm. Các vật liệu cấu tạo thành bánh chung liên quan đến sự cấu tạo của trái đất.

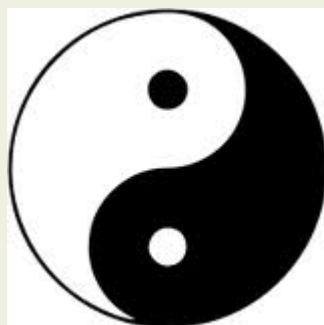
Nhưng trước khi có Âm Dương được hình thành thì khởi thủy của vũ trụ là Thái Cực.

Huyền thoại “Con Rồng Cháu Tiên” nói mẹ Âu Cơ đẻ ra cái bọc trăm trứng. Cái bọc Âu Cơ là Trứng Vũ Trụ, là Thái Cực. Từ Trứng Vũ Trụ nảy sinh ra Âm Dương để tạo thành muôn loài.

Huyền thoại Bọc Trăm Trứng là dẫn chứng Thái Cực trong Kinh Dịch hay Trứng Vũ Trụ của nhiều dân tộc chỉ việc tạo thiên lập địa.

Thái Cực, Âm Dương là thuyết vũ trụ quan quá trừu tượng nên tổ tiên ta đã lấy truyện tích “Bọc Trăm Con”, lấy vật chứng cụ thể Bánh Dầy Bánh Chung dẫn chứng để mọi người dân bình thường có thể cảm nhận được cái lý thuyết cao xa đó.

Và vì thế đã chứng minh được rằng thuyết vũ trụ quan Thái Cực, Âm Dương là do Tổ Tiên dân Việt từ thời thái cổ đã “*ngửa xem tượng trời, cúi xem phép tắc dưới đất*” mà lập thuyết Vũ trụ quan Thái Cực, Âm Dương.



NGŨ HÀNH

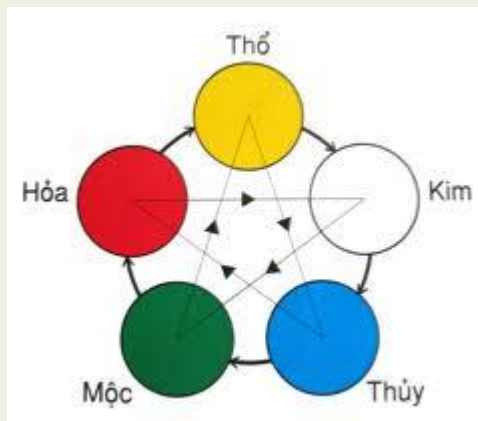
Bánh chưng tượng cho Âm, chỉ trái đất. Trái đất do năm yếu tố cấu thành, đó là lửa, đất, kim khí, nước, cây cối. Năm yếu tố đó gọi là Ngũ Hành: Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ.

Bánh Chung cũng được cấu tạo bởi năm vật liệu, đó là thịt, gạo, đậu xanh, lá dong và nấu trong nước. Ở giữa bánh chưng là thịt rồi đến đậu xanh, kế đến là gạo, khi nấu trong nước gạo thịt đậu xanh tiết ra dịch chất hợp với điệp lục tố của lá nên có màu hơi xanh và bọc ngoài là lá.

Trái đất được tạo thành theo thứ tự : Trong lòng trái đất là bầu lửa khổng lồ, bọc ngoài là lớp đất, có kim khí, nước và cây cối. Thứ tự Ngũ Hành tương sinh của trái đất là Hỏa, Thổ, Kim, Thủy, Mộc.

Bánh Chung với năm vật liệu được sắp xếp : ở giữa là thịt màu đỏ tượng cho Hỏa, kế đến là đậu xanh màu vàng tượng cho Thổ, tiếp đến gạo nếp màu trắng tượng cho Kim, dịch chất hay nhựa tượng cho Thủy và ngoài cùng là lá màu xanh tượng cho Mộc. Thứ tự y như sự cấu tạo của trái đất. Đó là Ngũ Hành tương sinh : Hỏa sinh Thổ, Thổ sinh Kim, Kim sinh Thủy, Thủy dưỡng Mộc.

Chỉ với cặp Bánh Dầy Bánh Chung mà nói lên được lẽ cao siêu của thuyết Vũ trụ quan Âm Dương Ngũ Hành, tưởng không có gì tuyệt vời hơn thế được.



AI LÀ CHỦ CỦA THUYẾT ÂM DƯƠNG NGŨ HÀNH ?

Âm Dương Ngũ Hành là căn bản của mọi học thuyết Lý số Đông Phương, từ Kinh Dịch đến Lịch Pháp, Y Khoa, Tướng Số, Tử Vi, Phong Thủy...

Từ trước tới nay người Trung Hoa vẫn tự hào là đã phát minh ra học thuyết Âm Dương Ngũ Hành.

Về Âm Dương thì Kinh Dịch ở chương II, Hạ từ truyện viết : *“Ngày xưa họ Bào Hy (Phục Hy) cai trị thiên hạ, ngừng đầu lên thì xem hình tượng trên trời, cúi xuống thì xem phép tắc ở dưới đất. Xem các văn vẽ của chim muông cùng những thích nghi với trời đất, gần thì lấy thân mình, xa thì lấy ở vật, rồi làm ra bát quái để thông suốt cái đức thân mình và điều hòa cái tính của vạn vật”*.

Lập ra phép Âm Dương, Bát quái là do vua Phục Hy (Bào Hy). Phục Hy là một trong Tam Hoàng thời thượng cổ. Tam Hoàng đó là Toại Nhân, Phục Hy, Thần Nông.

Phục Hy, Thần Nông, người Trung Hoa vẫn nhận là tổ tiên của họ. Có thật như vậy không ?

Triết gia Kim Định đã phân chất máu của Phục Hy xem là máu gì, của ai thì thấy : *“Phục Hy làm ra Kinh Dịch, Oa Hoàng làm ra phép linh phối. Thần Nông làm ra nông nghiệp. Hữu Sào làm ra nhà sàn. Bàn Cổ xếp đặt trời đất... Xưa rày người ta vẫn nghĩ rằng bấy nhiêu vị là người Tàu cả. Nhưng đến nay khoa học khám phá ra rằng các ngài không phải là Tàu. Hỏi vậy là ai ? Các học giả chưa nói ra ngã ngữ... Xin đem các vị đi thử máu, xem là máu Tàu hay máu Việt... Đến lúc thử xong thì ra toàn loại máu T.R. (Tiên Rồng).*

Phục Hy có tên là Thanh Tinh : Rồng Xanh, đúng là máu R đã thế lại giao chi với bà Nữ Oa tức là hai vị quần đùi nhau làm sao không lây máu nhau được. Vì thế xin bà tí huyết để phân tích, mới rút ra thì đã thấy là máu T (chim) vì khi bà chết thì hóa ra chim Tinh Vệ (tức máu T :

chim, Tiên) tha đá lấp bẻ”.

Bàn Cổ là nhân vật thần thoại của người Mèo cũng bị người Tàu nhận là của họ.

Còn Thần Nông ? Ta đi tìm gia phả để xem Thần Nông là tổ phụ của dân Việt hay dân Hoa.

Theo truyền thuyết “Con Rồng Cháu Tiên” thì cháu ba đời Thần Nông là Đế Minh đi tuần thú xuống phương Nam, đến vùng Ngũ Lĩnh gặp nàng Tiên bèn kết hôn mà sinh ra Lộc Tục. Đế Minh phân chia thiên hạ, lúc đó là toàn cõi nước Tàu từ vùng sông Hoàng Hà và sông Dương Tử, ra làm hai, cho Đế Nghi làm vua phương Bắc, vùng Hoàng Hà và Lộc Tục làm vua phương Nam, vùng Dương Tử Giang. Lộc Tục lấy hiệu Kinh Dương Vương, lên ngôi năm 2879 tr.CN.

PHẢ HỆ THẦN NÔNG

1. Thần Nông (3320 tr.CN)
2. Đế Khôi
3. Đế Thừa
4. Đế Minh. Đế Minh phân chia nước cho hai con là Đế Nghi làm vua phương Bắc.
5. Lộc Tục làm vua phương Nam.

Phả Hệ Thần Nông Bắc.

1. Đế Nghi
2. Đế Lai
3. Đế Ly
4. Đế Du Võng bị mất nước về Hiên Viên Hoàng Đế của Hoa tộc. (năm 2679 tr.CN)

Phả Hệ Thần Nông Nam.

1. Lộc Tục, lấy hiệu Kinh Dương Vương, (năm 2879 tr.CN) khởi thủy họ Hồng Bàng, tên nước Xích Quỷ.
2. Lạc Long Quân.
3. Hùng Vương 18 đời. Tên nước Văn Lang.

Đế Nghi của Thần Nông Bắc nối ngôi Đế Minh rồi thì cũng nổi máu giang hồ bèn truyền ngôi cho con là Đế Lai, lại sai bọn bầy tôi là Suy Vưu làm giám quốc coi việc nước mà đi “tuần thú” phương Nam (lại để kiếm tiên nữ, hẳn là gái phương Nam đẹp lắm mới làm cho mấy ông vua phương Bắc mê mẩn đến bỏ cả ngôi báu!).

Thời đó có bộ tộc người lai giữa giống da trắng Trung Á (Tokarien, Tocharian) và người Mông Cổ (Huns, Hung Nô) ở vùng Tây Vực, họ là giống dân du mục tiến qua ngã Cam Túc vào

vùng Thiểm Tây, Sơn Tây. Họ là bộ tộc mang tên Hoa Hạ. Dưới sự lãnh đạo của Hiên Viên, họ bất thần tấn công vào triều đình Thần Nông Bắc. Suy Vưu chống trả mãnh liệt nhưng rồi bị thất bại, Đế Du Vồng bị bắt và Hiên Viên tự xưng Hoàng Đế. Họ Thần Nông Bắc bị diệt từ đó.

Họ Thần Nông Nam ở vùng Dương Tử Giang lúc đó là thời kỳ Lạc Long Quân trị vì.

Như thế, theo phả hệ thi Phục Hy, Thần Nông là tổ phụ của dân Việt. Phục Hy lập ra phép Âm Dương Ngũ Hành, Bát Quái, Hà Đồ Lạc Thu thì di sản đó thuộc về Việt tộc.

Hoa tộc mới vào xâm chiếm đất Thần Nông Bắc vào thời Đế Du Vồng, ngang với thời kỳ Lạc Long Quân của Thần Nông Nam, thì Phục Hy, Thần Nông sao lại là tổ tiên của họ được ? Chẳng qua dân du mục hung dữ dùng sức mạnh cướp của cướp đất của dân nông nghiệp hiền lành rồi cướp luôn cả văn hóa, tổ tiên của người Việt làm của họ. Rồi hàng ngàn năm bị đô hộ, dân Việt bị đàn áp, bóc lột, bị nhồi sọ và cứ tưởng gia sản của ông cha mình, tổ tiên của mình là của Hoa tộc thật !

Đời Hùng Vương thứ Sáu, Lang Liêu đã cụ thể hóa lý thuyết cao siêu Âm Dương Ngũ Hành trong hình thức Bánh Dầy Bánh Chung một cách tài tình đơn giản để phổ biến trong quảng đại dân gian.

Bánh Dầy Bánh Chung được các thế hệ kế tiếp trân trọng giữ gìn để mỗi khi Tết đến lại gói dâng lên bàn thờ Quốc Tổ, bàn thờ gia tiên.

Chính nhờ tập tục tốt đẹp đó được giữ gìn tiếp nối mà ta biết được gia sản vô cùng quý báu do Tổ Tiên từ thời thái cổ đã lập ra : Âm Dương, Ngũ Hành.

Mỗi năm Tết đến dân Việt lại dâng lên Tổ Tiên Bánh Dầy Bánh Chung, kỳ diệu thay, nhìn chiếc Bánh Dầy hình tròn viên mãn trắng trong, nhìn chiếc Bánh Chung vuông màu xanh ngọc bích, buộc bằng bốn sợi giây Lạc (lạt) màu hồng, nhắc ta nhớ nguồn gốc Tổ Tiên Lạc Hồng đã lập ra thuyết vũ trụ quan Thái Cực, Âm Dương, Ngũ Hành, Kinh Dịch, Lạc Thu Hà Đồ...

TẾT CÓ TỪ BAO GIỜ ?

Người ta bảo chữ Tết do chữ Tiết (chữ Hán) mà ra. Tiết chữ Hán có nghĩa là *thời tiết* hay *lễ tiết*. Hán Việt Tự Điển của Nguyễn Văn Khôn giải nghĩa *thời tiết* có nghĩa là tiết hậu từng mùa, còn *lễ tiết* có nghĩa là lễ nghi có chừng mực.

Theo Việt Nam Tự Điển của Lê Văn Đức và Lê Ngọc Trụ thì Tết có nghĩa là những ngày lễ lớn trong năm.

Thiết tưởng chữ Tết mà dân ta dùng để chỉ các ngày lễ trong năm chưa hẳn là do chữ tiết của Tàu. Có thể nó do một tiếng cổ hoặc một tiếng nào đó của các dân tộc thiểu số mà nay đã bị mai một.

Một năm có nhiều Tết, nhưng có bốn tết lớn hơn cả là Tết năm mới mừng Mùa Xuân, tết Mừng năm tháng năm cũng gọi là tết Đoan Ngọ mừng Mặt Trời, tết Trung Thu mừng Mặt

Trăng, tết Cơm Mới mừng Mùa Đông. Nhưng tết lớn nhất vẫn là tết Năm Mới cũng gọi là tết Nguyên Đán. Nguyên có nghĩa là đầu tiên, đán là buổi sáng. Tết Nguyên Đán là Tết đầu năm mới.

Ông Nhất Thanh Vũ Văn Khiếu viết trong cuốn “Đất Lề Quê Thói” rằng : *Theo Tụ điển Từ Hải mục “Trung Ngoại Lịch Đại Đại Sư Niên Biểu” thì năm khởi lịch Tàu là năm 3000 trước Tây Lịch kỷ nguyên, mà họ Hồng Bàng nước Việt ta bắt đầu vào năm Nhâm Tuất (trước Tây lịch 2879 năm) nghĩa là hơn một trăm năm sau khi có lịch Tàu; nhưng mãi đến đời nhà Hạ (2205-1818 tr. Tây lịch) lịch Tàu mới lấy tháng Dần làm tháng giêng. Vậy ta có ăn Tết theo âm lịch hiện giờ, thì chắc chắn là chịu ảnh hưởng phong hóa Tàu do Tích Quang và Nhâm Diên truyền sang thì là từ thế kỷ thứ I tây lịch trở về sau chứ không sớm hơn được”.*

Đoạn văn trên có vài điều cần làm sáng tỏ :

1- “*Khởi điểm lịch Tàu là năm 3000 trước Tây lịch kỷ nguyên mà họ Hồng Bàng nước Việt ta bắt đầu vào năm Nhâm Tuất (trước Tây lịch 2879 năm) nghĩa là hơn một trăm năm sau khi có lịch Tàu...*”

Theo Lĩnh Nam Chích Quái, truyện Họ Hồng Bàng thì Hiên Viên Hoa tộc đánh chiếm nước Thần Nông Bắc vào thời kỳ Đế Du Vông làm vua, Suy Vưu làm giám quốc. Các sách Tàu cũng nói “*Tích giả Hoàng Đế đắc Si Vưu nhi minh ư thiên đạo*”. Tụ điển Từ Nguyên cũng nói : “*Họ Thần Nông đời thứ 8 là Du Vông bạo ngược bị Hoàng Đế đánh bại ở Bản Tuyền*”. Quyền Kỳ Môn Độn Giáp Đại Toàn Thư cũng viết : “*Tích nhật Hoàng Đế chiến Si Vưu, Trác Lộc kinh kim vi nhược hưu*”, có nghĩa là : Ngày xưa Hoàng Đế đánh Suy Vưu, cuộc chiến ở Trác Lộc đến nay tưởng như chưa dứt.

Như thế Hiên Viên chiếm nước Thần Nông Bắc tức vùng Hoàng Hà lục (6) tỉnh vào thời kỳ Đế Du Vông là cháu đời thứ 8 họ Thần Nông hay cháu 4 đời Đế Nghi tương đương với Lạc Long Quân thuộc Thần Nông Nam ở vùng Trường Giang (Dương Tử).

Vậy thì Hoàng Đế Hiên Viên chiếm vùng Hoàng Hà vào năm 2697 trước Công Nguyên nghĩa là sau họ Hồng Bàng Kinh Dương Vương 182 năm, chứ không phải năm 3000 tr. Tây lịch như Tụ điển Từ Hải nói. Năm 3000 tr. Công Nguyên bộ lạc du mục Hoa Hạ còn lang thang đâu đó ở vùng sa mạc Tây Vực.

Triết gia Kim Định viết : “*Theo lưu truyền thì Phục Hy xuất hiện vào lối năm 4480-4369 Thần Nông từ 3320 đến 3080. Huyền sử nước ta cũng đặt họ Hồng Bàng vào giai đoạn này tức là năm 2879, so với Hoàng Đế năm 2697 thì kể là trước 182 năm, tức 3 con giáp*”. (Việt Lý Tô Nguyên, Kim Định)

2- Kể từ khi Hoàng Đế Hiên Viên chiếm nước Thần Nông Bắc thì Tàu đã có lịch chưa ?

Sách Thông Chí của Trịnh Tiều chép : “*Đời Đào Đường (vua Nghiêu 2253 tr. CN) phương Nam có bộ Việt Thường cử sứ bộ qua lại hai lần phiên dịch sang châu, dân con rùa thần có lẽ đã sống trên 1000 năm, mình dài hơn ba thước, trên lưng có khắc văn khoa đầu ghi việc trời*

đất mờ mang. Vua Nghiêu mới sai chép lấy gọi là Quy Lịch”.

Sách Thông Chí của Trịnh Tiều cho ta thấy từ Hoàng Đế đến Đế Nghiêu là 444 năm thì bộ Việt Thường mới đem rùa thần ghi việc trời đất mờ mang tặng cho và Đế Nghiêu phải chép lấy để dùng gọi là Quy Lịch. Điều này chứng tỏ Dân Việt (Việt Thường) đã biết làm ra lịch và vua Nghiêu (Hoa Hạ) phải học theo. Nói rằng dân Việt phải học theo Tàu để ăn Tết thì có phần khiên cưỡng.

Có lẽ thời đó dân Việt ăn Tết vào tháng Một (11) là tháng Tý vì tháng 10 mùa màng gặt xong thì sang tháng 11 ăn Tết Cơm Mới cũng là tháng đầu năm của chu kỳ Địa chi. Về sau người Tàu thấy tháng 11 (Một) còn quá lạnh, hơn nữa họ trồng lúa mạch, không có mừng tết Cơm Mới như dân Việt trồng lúa nước nên họ rời Tết Nguyên Đán vào tháng Dần tức tháng Giêng âm lịch để hợp với thời tiết ấm áp của mùa xuân.

Qua ngàn năm bị Tàu đô hộ, họ bắt dân Việt phải theo văn hóa tập tục Tàu, bắt dân ta phải mừng năm mới vào tháng Dần tức tháng Giêng. Tuy nhiên dân Việt vẫn giữ tập tục ăn Tết Cơm Mới vào tháng Một sau khi đã gặt hái xong.

Tết Cơm Mới là dịp để con cháu dâng lên bàn thờ Tổ Tiên cơm gạo đầu mùa vừa gặt hái được. Có lẽ đời Hùng Vương thứ 6 dân ta ăn Tết đầu năm vào tháng Tý tức tháng Một (11) Âm lịch tức Tết Cơm Mới và Lang Liêu đã làm Bánh Dầy Bánh Chung vào dịp này.

Ngày nay Tết Cơm Mới không ấn định vào ngày nào tháng nào, dân chúng có thể mừng Tết Cơm Mới từ tháng 9 trở đi tùy theo sự gặt hái từng miền, từng nhà.

Tết Cơm Mới cũng còn là Tết của Tình Nhân. Vào dịp này chàng rể tương lai phải lo đi tết nhà gái gọi là Sêu. Lễ sêu là cốm, gạo mới, hồng, chuối trứng cuốc, chim cu ngói. Dịp này, chàng và nàng có cơ hội gặp nhau để đầu mày cuối mắt nhìn nhau, trao đổi đôi lời tình tự.

Thường thường chàng trai sẽ phải ở lại làm rể nhà gái trong một thời gian, giúp việc gặt hái, ruộng vườn. Đó là dấu tích của chế độ mẫu hệ còn sót lại.



Nguồn: <http://www.taphopdongtam.org>